

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH
LUẬT
SỞ HỮU TRÍ TUỆ
VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG AN NHÂN DÂN

GIÁO TRÌNH LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Giáo trình

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

**NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
HÀ NỘI - 2008**

Chủ biên

TS. PHÙNG TRUNG TẬP

Tập thể tác giả

- | | | |
|-----|-----------------------|------------|
| 1. | TS. PHÙNG TRUNG TẬP - | Chương I |
| 2. | ThS. KIỀU THỊ THANH | |
| 3. | TS. PHẠM VĂN TUYẾT | Chương II |
| 4. | TS. TRẦN THỊ HUỆ | |
| 5. | ThS. NGUYỄN MINH OANH | |
| 6. | TS. PHẠM CÔNG LẠC | Chương III |
| 7. | TS. BÙI ĐĂNG HIẾU | |
| 8. | ThS. VŨ HẢI YẾN | |
| 9. | ThS. VŨ HỒNG YẾN | |
| 10. | ThS. LÊ ĐÌNH NGHỊ | Chương IV |
| 11. | ThS. NGUYỄN NHƯ QUỲNH | Chương V |

LỜI GIỚI THIỆU

Cũng như các nước thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Việt Nam đã ban hành Luật sở hữu trí tuệ và đạo luật này đã được Quốc hội khoá XI, kì họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005, có hiệu lực ngày 01/7/2006. Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh do có việc sáng tạo ra và sử dụng các sản phẩm trí tuệ nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của con người và những sản phẩm trí tuệ được áp dụng vào sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hoá, lưu thông các sản phẩm trí tuệ trên thương trường nội địa và quốc tế; bảo vệ người tiêu dùng, chống cạnh tranh không lành mạnh; bảo vệ các quyền tài sản và các quyền nhân thân của các chủ thể sáng tạo, của chủ sở hữu, người có quyền sử dụng các sản phẩm trí tuệ và quyền được bảo vệ khi có hành vi xâm phạm hoặc cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

Trên thế giới hiện nay kể cả các nước phát triển và các nước đang phát triển đều có những tiến bộ trong việc ban hành luật sở hữu trí tuệ: thay đổi, bổ sung hệ thống pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó việc bảo hộ nhãn quyền, nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý .. giống cây trồng và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh luôn được các quốc gia quan tâm.

Vấn đề sở hữu trí tuệ không còn là vấn đề của một quốc gia mà nó đã trở thành vấn đề lớn của toàn cầu. Những thay đổi công nghệ trên thế giới hiện nay một mặt mang lại cho nhân loại những cơ hội thay đổi vượt bậc và căn bản mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, mặt khác cũng đưa ra những thách thức trong việc tạo ra công nghệ và triển khai công nghệ trên phạm vi toàn cầu. Theo quy định trong các điều ước quốc tế, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được xác định theo hướng áp dụng các tiêu chuẩn đang được áp dụng ở các mức đồng thời những quy định của các nước về sở hữu trí tuệ cũng cần phải phù hợp với những quy định của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WPO). Việt Nam cũng phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giảng viên, sinh viên, học viên và những người quan tâm, Bộ môn luật dân sự (Khoa luật dân sự) Trường Đại học Luật Hà Nội đã biên soạn giáo trình luật sở hữu trí tuệ Việt Nam. Việc biên soạn giáo trình này dựa trên cơ sở các quy định của Luật sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành đồng thời cũng đảm bảo tính phù hợp với chương trình khung của Bộ giáo dục và đào tạo.

Mặc dù tập thể tác giả đã rất cố gắng nhưng đây là giáo trình luật sở hữu trí tuệ lần đầu tiên được biên soạn ở Việt Nam cho nên khó tránh khỏi những khiếm khuyết, rất mong các độc giả góp ý để giáo trình luật sở hữu trí tuệ Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội ngày một hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CHƯƠNG I

KHÁI NIỆM LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. Đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ

Lao động sáng tạo là một trong các đặc tính của loài người. Trong quá trình lao động, con người đã không ngừng tìm cách cải tiến công cụ lao động và tạo ra công cụ lao động mới để giảm thiểu tối đa sức lao động và chi phí tạo ra thành phẩm. Cũng từ lao động, con người tạo ra các sản phẩm tinh thần nhằm thoả mãn nhu cầu về tinh thần của mình. Kết quả của lao động sáng tạo hình thành loại tài sản vô hình và chúng ngày càng có vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Cùng với việc con người tạo ra các sản phẩm trí tuệ, các quan hệ xã hội liên quan đến các sản phẩm trí tuệ cũng hình thành một cách khách quan. Do đặc tính của các quan hệ xã hội về các sản phẩm sáng tạo không chỉ bó hẹp trong phạm vi một quốc gia mà còn mang tính quốc tế nên việc điều chỉnh các quan hệ này bằng các quy phạm pháp luật trở thành nhu cầu cấp thiết không chỉ trong mỗi quốc gia mà còn ở phạm vi quốc tế.

Với chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, lấy mục tiêu vì con người làm trung tâm, Đảng và Nhà nước

đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới. Những chính sách, pháp luật của nước ta nhằm khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế và hình thức sở hữu tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho mình và cho xã hội. Luật sở hữu trí tuệ là cơ sở pháp lí bảo vệ việc tạo ra các sản phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học và những giải pháp kĩ thuật phục vụ cho chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tính đến thời điểm hiện nay, Việt Nam đã có hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ bao gồm nhiều ngành luật, điều chỉnh các quan hệ xã hội đa dạng, phức tạp, nhất là trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Hơn nữa, Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và tham gia nhiều điều ước quốc tế thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ, do vậy việc điều chỉnh quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ là tất yếu mang tính thời đại.

Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam điều chỉnh các quan hệ xã hội được hình thành giữa các chủ thể trong việc tạo ra, sử dụng và chuyển giao các sản phẩm sáng tạo trí tuệ, gồm các quan hệ về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Như vậy, đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ là các quan hệ phát sinh giữa các chủ thể do việc sáng tạo, khai thác, sử dụng các sản phẩm trí tuệ.

a. Phân loại đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ

* Căn cứ vào các quan hệ do luật sở hữu trí tuệ điều chỉnh có thể chia đối tượng điều chỉnh của Luật sở hữu trí tuệ thành các nhóm sau: Quan hệ về đối tượng quyền tác giả; quan hệ về đối tượng

quyền liên quan đến quyền tác giả; quan hệ về đối tượng quyền sở hữu công nghiệp và quan hệ về đối tượng giống cây trồng mới.

- Quan hệ về quyền tác giả

Theo quy định của pháp luật, mọi cá nhân đều có quyền sáng tạo. Sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học được hình thành trong xã hội vì nó là nhu cầu không thể thiếu được của đời sống con người. Sáng tạo ra các tác phẩm văn học, nghệ thuật được thực hiện theo ý chí chủ quan của chủ thể sáng tạo. Kết quả sáng tạo của cá nhân trong lĩnh vực này được thể hiện dưới hình thức khách quan nhất định là đối tượng của quyền tác giả. Khi tác phẩm được hình thành, các quan hệ phát sinh do việc khai thác, sử dụng tác phẩm được luật pháp điều chỉnh. Mặt khác, khi tác phẩm được công bố, phổ biến thì tác phẩm không còn độc quyền chiếm hữu, sử dụng của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả mà mọi người đều có thể chiếm hữu, sử dụng tác phẩm đó. Chính vì vậy, các quan hệ xã hội về đối tượng của quyền tác giả cần phải được điều chỉnh bằng pháp luật thì mới bảo đảm quyền lợi của người đã tạo ra tác phẩm, đồng thời bảo vệ được quyền của những người khác và của toàn xã hội. Tùy theo các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau mà luật pháp của các nước có các quy định khác nhau để điều chỉnh quan hệ về quyền tác giả.

- Quan hệ về quyền liên quan

Là các quan hệ xã hội phát sinh khi cá nhân, tổ chức sử dụng tác phẩm thông qua hình thức biểu diễn, ghi âm, ghi hình, phát sóng chương trình... Có nhiều hình thức sử dụng tác phẩm khác nhau nhưng việc sử dụng các tác phẩm thông qua biểu diễn nghệ thuật, ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh được mã hoá có vai trò, vị trí đặc biệt do tính thương mại của chúng. Do đó,

việc điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến lĩnh vực này chiếm một vị trí quan trọng trong pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- Quan hệ về quyền sở hữu công nghiệp

Tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất tạo ra nhiều hàng hoá tốt, rẻ là một trong những mục tiêu của mọi nhà sản xuất. Để đáp ứng được yêu cầu đó thì các thiết bị, máy móc, công nghệ là những yếu tố không thể thiếu trong nền sản xuất hiện đại. Trong quá trình sản xuất, kinh doanh, con người không ngừng cải tiến công cụ lao động, tạo ra các giải pháp kĩ thuật... nhằm tăng năng suất lao động. Ngoài ra, những yếu tố tác động lên tâm lí của người tiêu dùng cũng là những thành tố tạo nên sự thành công của nhà sản xuất như: uy tín, tên doanh nghiệp, kiểu dáng và những dấu hiệu đặc biệt của hàng hoá... Tất cả những thành tố đó là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ và việc công nhận kết quả của hoạt động sáng tạo là đối tượng sở hữu công nghiệp phải được pháp luật quy định. Trên cơ sở đó, phát sinh quyền, nghĩa vụ của người sáng tạo ra các sản phẩm trí tuệ, của các chủ thể khác trong việc sử dụng, chuyển giao các đối tượng sở hữu công nghiệp. Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình sử dụng, chuyển giao các đối tượng sở hữu công nghiệp là đối tượng điều chỉnh của pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp.

- Quan hệ về quyền đối với giống cây trồng

Giống cây trồng được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Các giống cây có giá trị kinh tế cao luôn được các nhà khoa học và nhân dân quan tâm lai tạo và nhân giống. Để nâng cao giá trị kinh tế và sức cạnh tranh của các loại giống cây trồng, các nhà khoa học không ngừng nghiên cứu tạo ra các giống cây trồng mới nhằm tăng năng suất trong sản xuất nông nghiệp. Để tạo ra giống cây trồng cần phải đầu tư thời gian, vật lực và trí lực, cho nên Nhà

nước cần phải bảo hộ các quyền và lợi ích của các nhà khoa học tạo ra giống cây trồng mới.

Quá trình nghiên cứu, chọn, tạo và khai thác giống cây trồng mới phát sinh quan hệ giữa người nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng mới và các chủ thể khác. Những quan hệ này được pháp luật điều chỉnh nhằm bảo vệ quyền lợi của các chủ thể và được gọi là đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ liên quan đến giống cây trồng mới.

* Căn cứ vào tính chất của quan hệ về sở hữu trí tuệ, đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ được phân thành các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

- Quan hệ nhân thân do luật sở hữu trí tuệ điều chỉnh

Chỉ có con người mới có khả năng sáng tạo và thành quả của sáng tạo tinh thần là kết quả hoạt động có mục đích. Tuy nhiên, mỗi người có năng lực và nhận thức khác nhau về quy luật của tự nhiên, xã hội, do đó kết quả của hoạt động sáng tạo mang đậm dấu ấn của người đã tìm ra các quy luật đó.

Do sản phẩm trí tuệ mang dấu ấn của chủ thể sáng tạo cho nên tính nhân thân gắn liền với chủ thể đó, không thể dịch chuyển được cho chủ thể khác. Khi dấu ấn cá nhân trở thành giá trị nhân thân của con người thì Nhà nước cần phải bảo hộ giá trị tinh thần đó bằng pháp luật, ghi nhận giá trị nhân thân là quyền dân sự hay còn gọi là quyền nhân thân.

Trong các quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ, mối liên hệ giữa quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản được thể hiện là các sản phẩm thuộc quyền sở hữu trí tuệ được tạo ra thì chủ thể sáng tạo trước tiên có các quyền nhân thân và khi đã có các quyền nhân thân thì quyền tài sản được pháp luật bảo hộ. Quan hệ nhân thân

trong quan hệ pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ là tiền đề làm phát sinh quan hệ tài sản. Quyền nhân thân trong quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ gồm có hai nhóm: Nhóm quan hệ nhân thân gắn liền với chủ thể sáng tạo, không thể chuyển giao thông qua giao dịch và nhóm quan hệ nhân thân liên quan đến tài sản được thể hiện khi sản phẩm trí tuệ được sử dụng, chuyển giao.

Trong quan hệ về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả thì một số quyền nhân thân theo tính chất không thể chuyển dịch cho người khác và các quyền đó gắn với tác giả vô thời hạn (quyền được đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm công bố, sử dụng; quyền được bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, công trình).

- Quan hệ tài sản do luật sở hữu trí tuệ điều chỉnh

Quyền nhân thân được xác lập trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ là tiền đề của quyền tài sản, giữa hai quyền này có mối quan hệ mật thiết với nhau. Trong lĩnh vực sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học và quyền liên quan thì quan hệ tài sản phát sinh thông qua các hành vi của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan. Ví dụ: Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác do cho người khác công bố, sử dụng tác phẩm. Ngoài ra, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan có quyền chuyển nhượng và chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan thông qua các giao dịch dân sự, thương mại.

Tác giả tạo ra sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; tác giả trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng mới bằng công sức và chi phí của mình có quyền tài sản trong việc sử dụng, cho phép người khác sử

dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được bảo hộ. Quyền tài sản của chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp còn phát sinh do có việc chuyển nhượng các đối tượng thuộc quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng hoặc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

b. Đặc điểm đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ

Căn cứ vào tính chất của các quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ, đối tượng điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ không những có những đặc điểm chung của quan hệ pháp luật dân sự mà còn có những đặc điểm riêng. Tùy thuộc vào từng quan hệ mà chủ thể tham gia, có quan hệ mang tính nhân thân hoặc mang tính tài sản. Tuy nhiên, có quan hệ vừa mang tính nhân thân vừa mang tính tài sản. Ví dụ: Cho người khác công bố tác phẩm ra công chúng (khoản 3 Điều 19 Luật sở hữu trí tuệ).

- Quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ mang tính chất nhân thân

Quyền sở hữu trí tuệ phát sinh do việc sáng tạo ra các sản phẩm thuộc đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ. Các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ được chia làm hai nhóm: Nhóm đối tượng không áp dụng vào sản xuất kinh doanh, không khai thác về mặt thương mại và nhóm đối tượng được áp dụng vào sản xuất kinh doanh, được khai thác về mặt thương mại.

Đối với nhóm thứ nhất, quyền nhân thân của chủ thể sáng tạo được hình thành vào thời điểm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học được thể hiện dưới hình thức khách quan. Ví dụ: Quyền đặt tên tác phẩm, quyền đứng tên tác giả, quyền sửa chữa tác phẩm...

Đối với nhóm thứ hai, các tác giả tạo ra sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, có quyền nhân thân đối các sản phẩm

trí tuệ thuộc quyền sở hữu công nghiệp do mình sáng tạo ra. Ví dụ: Quyền đứng tên trong văn bằng bảo hộ và các tài liệu liên quan, quyền nhận các giải thưởng...

Ngoài ra, các chủ thể khác có quyền nhân thân trong việc khai thác, sử dụng các đối tượng sở hữu trí tuệ, như quyền đối với tên thương mại, quyền đứng tên trong văn bằng bảo hộ, uy tín của nhãn hiệu...

- Quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ mang tính chất tài sản

Chủ sở hữu các đối tượng sở hữu trí tuệ có các quyền nhân thân là tiền đề của quyền tài sản. Trên cơ sở tác phẩm được sáng tạo, quyền tài sản được xác lập khi tác giả công bố tác phẩm, công trình. Đối với chủ sở hữu quyền tác giả, quyền tài sản phát sinh khi khai thác, sử dụng, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan. Trong quan hệ sở hữu công nghiệp, quyền tài sản của chủ sở hữu công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh và chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp thông qua các hợp đồng dân sự hoặc thương mại.

2. Phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ

a. Khái niệm phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ

Luật sở hữu trí tuệ điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình sáng tạo, sử dụng, chuyển giao các sản phẩm là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, theo đó các quyền nhân thân, quyền tài sản của các chủ thể được pháp luật bảo đảm thực hiện. Luật sở hữu trí tuệ là hành lang pháp lí cho cá nhân, tổ chức và các chủ thể khác thực hiện quyền tự định đoạt trong việc sáng tạo ra các sản phẩm trí tuệ, đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ được hiểu là tổng hợp những nguyên tắc, cách thức và biện pháp của Nhà nước

nhằm tác động lên nhóm quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực sáng tạo, sử dụng và chuyển giao các sản phẩm là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể đồng thời làm cho các quan hệ đó phát sinh, thay đổi, chấm dứt theo trật tự pháp lí nhất định.

b. Đặc điểm phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ

Quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ là loại quan hệ dân sự liên quan đến tài sản đặc biệt - “tài sản trí tuệ”, do vậy phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ mang các đặc điểm phương pháp điều chỉnh của luật dân sự. Tuy nhiên, đối tượng của quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ là tài sản vô hình cho nên phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ có một số đặc điểm riêng.

- Bảo đảm bình đẳng về địa vị pháp lí của các chủ thể

Luật sở hữu trí tuệ là hành lang pháp lí khuyến khích sự sáng tạo của các chủ thể trong xã hội cho nên mọi cá nhân đều có quyền sáng tạo ra các sản phẩm trí tuệ. Quyền bình đẳng của các chủ thể trong quan hệ pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ được thể hiện: Không có sự phân biệt về độ tuổi, giới tính, mức độ năng lực hành vi; không phụ thuộc vào địa vị xã hội và trình độ học vấn, mọi cá nhân đều có thể là chủ sở hữu các sản phẩm trí tuệ, có các quyền và nghĩa vụ như nhau khi tạo ra hoặc được chuyển giao các sản phẩm là đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ.

- Bảo đảm quyền tự định đoạt của chủ thể

Trong quan hệ pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ thì quyền tự định đoạt của các chủ thể được pháp luật bảo đảm thực hiện. Quyền tự định đoạt của các chủ thể được thể hiện trong việc sáng tạo và công bố hay không công bố tác phẩm, công trình; quyền nộp đơn hay không nộp đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ hoặc nộp đơn

xin từ chối sự bảo hộ đối với đối tượng sở hữu công nghiệp đang trong thời hạn bảo hộ. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp đơn đăng kí quyền tác giả, quyền liên quan tại Cục bản quyền tác giả văn học - nghệ thuật. Quyền cho người khác sử dụng tác phẩm thông qua các hợp đồng sử dụng tác phẩm, công trình, quyền chuyển giao các đối tượng sở hữu công nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác. Chủ văn bằng bảo hộ tự mình áp dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp vào sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ; có quyền góp vốn vào các công ti, doanh nghiệp bằng các giải pháp kĩ thuật đang trong thời hạn được bảo hộ. Trong quan hệ pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có quyền cho người khác sửa chữa nội dung tác phẩm, sao chép trực tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình để tạo ra bản sao khác từ chính bản ghi âm, ghi hình đó; cho người khác sao chép gián tiếp cuộc biểu diễn đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình để tạo ra các bản sao khác. Khi quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm, chủ sở hữu có quyền khởi kiện hay không khởi kiện để yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền của mình; quyền để lại thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật... Tuy nhiên, quyền tự định đoạt của sở hữu chủ các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ cũng bị hạn chế trong trường hợp giới hạn quyền sở hữu trí tuệ và tác phẩm thuộc về công chúng do luật sở hữu trí tuệ quy định.

- Bảo đảm sự cân bằng các lợi ích trong xã hội

Quyền sở hữu trí tuệ của các chủ thể được bảo hộ, tạo ra những điều kiện để các nhà sáng tạo, nhà sản xuất, kinh doanh, làm dịch vụ có cơ hội khai thác có hiệu quả những thành quả sáng tạo trí tuệ của con người, việc đó không chỉ bó hẹp trong phạm vi quốc gia

mà còn trên phạm vi toàn cầu. Pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam tạo ra sự cân bằng giữa các lợi ích của người sáng tạo các sản phẩm trí tuệ và lợi ích của chủ thể khai thác, sử dụng các sản phẩm sáng tạo trí tuệ đó. Bảo đảm cho các lợi ích của các chủ thể liên quan đến việc tạo ra và sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện hữu hiệu. Các sản phẩm sáng tạo trí tuệ được bảo hộ, là động lực thúc đẩy các quan hệ dân sự, thương mại phát triển.

- Trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mang tính nhân thân và tính tài sản

Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ, hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ là những hành vi xâm phạm không những đến quyền nhân thân mà còn xâm phạm đến quyền tài sản của chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ. theo đó trách nhiệm của người có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu trí tuệ là trách nhiệm vừa mang chất tài sản vừa mang tính nhân thân.

+ Trách nhiệm về nhân thân: Quyền nhân thân trong quan hệ pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ là tiền đề của quyền tài sản. Thiệt hại về tinh thần liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ là những tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần của tác giả tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn, tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và giống cây trồng. Trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền nhân thân của chủ sở hữu các đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ thường là những hành vi xâm phạm quyền được bảo vệ sự trọn vẹn về nội dung của tác phẩm, công trình; xâm phạm đến quyền công bố tác phẩm, công trình của tác giả, của chủ sở hữu quyền tác giả. Xâm phạm đến danh dự, uy tín của cá nhân, tổ chức trong sinh hoạt cũng như trong sản xuất, kinh doanh.

+ Trách nhiệm mang tính tài sản: Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất do có tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất kinh tế, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại. Thiệt hại về tài sản được xác định dựa trên những lợi ích vật chất của chủ thể có quyền sở hữu trí tuệ bị giảm sút hoặc bị mất sau khi có hành vi xâm phạm xảy ra so với khả năng đạt được lợi ích đó khi không có hành vi xâm phạm. Hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra sự mất hoặc giảm sút lợi ích đó. Thiệt hại về tài sản là những tổn thất có thể được xác định theo giá chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc giá chuyển nhượng quyền sử dụng hoặc giá góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu trí tuệ.

- Các biện pháp giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ đa dạng

Khi quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm, chủ thể của quyền bị xâm phạm có quyền tự bảo vệ bằng các biện pháp mà pháp luật cho phép nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm. Chủ thể có quyền bị xâm phạm có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, chủ thể có quyền bị xâm phạm có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của mình hoặc khởi kiện ra toà án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền của toà án nhân dân.

Những phương thức sau đây thường được áp dụng trong việc giải quyết những tranh chấp liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ:

+ Biện pháp hành chính

Được áp dụng để giải quyết các khiếu kiện hành chính liên

quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Giải quyết các khiếu nại đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Biện pháp này được áp dụng trong trường hợp cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý hoạt động trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Giải quyết những tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ do các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trong việc xử lý vi phạm hành chính về quyền sở hữu trí tuệ, giải quyết các khiếu nại hành chính trong quá trình xác lập, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, kể cả các hoạt động kiểm soát thực thi quyền sở hữu trí tuệ qua biên giới. Biện pháp hành chính được áp dụng trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ có tính cưỡng chế nhằm xử lý nghiêm khắc và hữu hiệu các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và hành vi vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật như: áp dụng các biện pháp phạt tiền, buộc tiêu hủy tang vật, tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm, tước giấy phép kinh doanh của chủ thể kinh doanh trái pháp luật.

- Biện pháp hình sự

Biện pháp hình sự được toà án áp dụng để xét xử các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho xã hội như hành vi làm hàng giả, tàng trữ hàng giả nhằm mục đích trục lợi, buôn bán hàng giả, xâm phạm quyền tự do sáng tạo của người khác. Hành vi cố ý xâm phạm đã gây ra hậu quả nghiêm trọng đến quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền chuyển giao các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp, quyền chuyển giao công nghệ của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do cố ý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác

mà gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội thì người có hành vi cố ý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị phạt tù, bị phạt tiền, bị tịch thu tài sản do thu nhập bất chính...

- Biện pháp dân sự

Quan hệ về quyền sở hữu trí tuệ là loại quan hệ về tài sản, do vậy những tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ là tranh chấp về tài sản cũng thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án nhân dân. Chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm, có quyền tự định đoạt khởi kiện hay không khởi kiện để yêu cầu toà án bảo vệ các quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm. Toà án có quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời như giữ hàng hoá, phương tiện, niêm phong thiết bị, ấn phẩm do vi phạm quyền tác giả. Biện pháp khẩn cấp tạm thời là biện pháp có hiệu quả trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Biện pháp dân sự là biện pháp cuối cùng và phổ biến thường được áp dụng để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Như vậy, có thể rút ra định nghĩa luật sở hữu trí tuệ như sau: Luật sở hữu trí tuệ là ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam - tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ liên quan đến việc sáng tạo ra các đối tượng sở hữu trí tuệ trên cơ sở bình đẳng, tự định đoạt của các chủ thể, trong đó các quyền nhân thân và quyền tài sản của các chủ thể được Nhà nước đảm bảo thực hiện.

II. NGUỒN CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1. Khái niệm nguồn của luật sở hữu trí tuệ

Luật sở hữu trí tuệ là ngành luật bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; các quyền liên quan và các quy phạm điều chỉnh các quan hệ liên quan đến đối tượng quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng.